

Số: 22.2/2015/NQ-HĐND

Long An, ngày 03 tháng 11 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Về thông qua Chương trình hành động thực hiện
Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam
trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2016 đến năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 06/2003/PL-UBTVQH11 ngày 09/0/2003 về Dân số;
Pháp lệnh số 08/2008/PL-UBTVQH12 ngày 27/12/2008 sửa đổi Điều 10 Pháp
lệnh Dân số;

Căn cứ Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16/9/2003 của Chính phủ
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số;

Căn cứ Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số; Nghị
định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17/3/2011 của Chính phủ sửa đổi khoản 6 Điều 2
Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010;

Thực hiện Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai
đoạn 2011-2020,

Sau khi xem xét Tờ trình số 3988/TTr-UBND ngày 15/10/2015 của
UBND tỉnh về ban hành Nghị quyết thông qua Chương trình hành động thực
hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam trên địa bàn tỉnh Long
An từ năm 2016 đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra số 518/BC-HĐND ngày
27/10/2015 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND và ý kiến của đại biểu HĐND
tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất Chương trình hành động thực
hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam trên địa bàn tỉnh Long
An từ năm 2016 đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh
sản Việt Nam trên địa bàn tỉnh từ năm 2016 đến năm 2020 là một nội dung
quan trọng của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, tạo sự phát triển ổn định và bền vững của xã hội.

2. Giải quyết đồng bộ các vấn đề Dân số và Sức khỏe sinh sản, tập trung nâng cao chất lượng dân số, cải thiện sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phát huy lợi thế của cơ cấu “Dân số vàng”, chủ động điều chỉnh tốc độ tăng dân số và kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh.

3. Giải pháp cơ bản để thực hiện công tác Dân số và Sức khỏe sinh sản là sự kết hợp đồng bộ, hiệu quả giữa vận động, giáo dục, truyền thông chuyển đổi hành vi, cung cấp dịch vụ dự phòng tích cực, chủ động, công bằng, bình đẳng và chế tài kiên quyết, hiệu quả đối với các đơn vị, cá nhân hoạt động dịch vụ vi phạm các quy định về chẩn đoán và lựa chọn giới tính thai nhi.

4. Đầu tư cho công tác Dân số và Sức khỏe sinh sản là đầu tư cho phát triển bền vững, mang lại hiệu quả trực tiếp về kinh tế, xã hội và môi trường. Tăng mức đầu tư từ ngân sách Nhà nước, tích cực tranh thủ các nguồn viện trợ và huy động sự đóng góp của nhân dân; ưu tiên nguồn lực cho vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

5. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; huy động sự tham gia của toàn xã hội; tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy làm công Dân số và Sức khỏe sinh sản để thực hiện có hiệu quả công tác Dân số và Sức khỏe sinh sản trong giai đoạn 2016 - 2020.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, duy trì mức sinh thấp hợp lý, giải quyết tốt những vấn đề cơ cấu dân số và phân bố dân cư, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về quy mô dân số:

- Kiên trì thực hiện mục tiêu mỗi cặp vợ chồng có hai con để nuôi dạy tốt; mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con để duy trì mức sinh thay thế của tỉnh; giảm tỉ lệ sinh con thứ ba trở lên từ 0,1%/năm trở lên; phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh có 40% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn không có người sinh con thứ ba trở lên.

- Giảm tỷ suất sinh thô bình quân 0,1‰ /năm; phấn đấu đạt tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 0,7%.

- Tỷ lệ cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện biện pháp tránh thai từ 80% trở lên.

b) Về cơ cấu và chất lượng dân số phần đầu đến năm 2020:

- Tỷ số giới tính khi sinh dưới 108 nam/100 nữ.
- Giảm tỷ lệ tử vong trẻ dưới 01 tuổi từ 0,2 ‰/năm trở lên.
- Giảm tỷ lệ tử vong trẻ dưới 05 tuổi từ 0,2 ‰/năm trở lên.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng (về cân nặng) của trẻ em dưới 5 tuổi là dưới 8,5%.
- Tỷ lệ thai phụ được thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán trước sinh từ 95% trở lên.
- Tỷ lệ trẻ sinh ra được thực hiện kỹ thuật sàng lọc sơ sinh từ 95% trở lên.
- Tỷ lệ cặp nam, nữ thực hiện tư vấn và kiểm tra sức khỏe trước khi kết hôn từ 95% trở lên.
- Tỷ lệ phá thai dưới 20/100 trẻ sinh còn sống.
- Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản dưới 20/100.000 trẻ đẻ sống.
- Tỷ lệ phụ nữ nhiễm khuẩn đường sinh sản dưới 40%.
- Tỷ lệ phụ nữ nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục dưới 12%.
- Tỷ lệ phụ nữ ở độ tuổi 30 - 54 tuổi được sàng lọc ung thư cổ tử cung từ 50% trở lên.
- Tỷ lệ phụ nữ trên 40 tuổi được sàng lọc ung thư vú từ 50% trở lên.
- Tỷ lệ huyện, thị xã, thành phố có điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản thân thiện cho người chưa thành niên, thanh niên từ 75% trở lên.
- Tỷ lệ người chưa thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn dưới 10%.
- Tỷ lệ công nhân khu, cụm công nghiệp được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản từ 50% trở lên.
- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện có điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi từ 50% trở lên.
- Tỷ lệ người cao tuổi được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng từ 50% trở lên.
- Không chế số người nhiễm HIV/AIDS dưới 0,3%;

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, đưa công tác dân số và sức khỏe sinh sản thành nội dung trọng tâm trong hoạt động của hệ thống chính trị và xây dựng nông thôn mới.
2. Tiếp tục ổn định, nâng cao năng lực bộ máy làm công tác Dân số và Sức khỏe sinh sản. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý công tác Dân số và Sức khỏe sinh sản.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và giáo dục về dân số và sức khỏe sinh sản nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi trong thực hiện chính sách Dân số và Sức khỏe sinh sản.

4. Nâng cao chất lượng dịch vụ dân số và sức khỏe sinh sản.

5. Chủ động kiểm soát và ngăn ngừa tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

6. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách dân số và sức khỏe sinh sản:

a) Miễn phí cho người thực hiện triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, tiêm thuốc tránh thai tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh; riêng cấy tránh thai miễn phí cho hộ nghèo, cận nghèo; miễn phí khi điều trị do tác dụng phụ, vỡ kế hoạch, tai biến khi thực hiện các biện pháp tránh thai này.

b) Các cặp vợ chồng có hai con đăng ký thôi đẻ hẳn được cấp Giấy chứng nhận thôi đẻ hẳn, giấy có giá trị khi con đi học được giảm 50% học phí từ bậc học mầm non đến bậc trung học phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

c) Người tự nguyện triệt sản được bồi dưỡng tổng số tiền 2.500.000đ (gồm: tiền mặt, thẻ BHYT; từ nguồn của Trung ương và của tỉnh); người vận động triệt sản được hưởng bồi dưỡng 200.000 đồng/ca.

d) Cộng tác viên Dân số, Gia đình và Trẻ em ở cơ sở, được hưởng chế độ trong thời gian thực hiện nhiệm vụ tổng số tiền là 450.000đ/người/tháng (gồm: tiền mặt, thẻ BHYT; từ nguồn của Trung ương và của tỉnh).

đ) Xã, phường, thị trấn đăng ký và xây dựng thành công mô hình không có người sinh con thứ ba trở lên trong năm được thưởng 10.000.000 đồng; nếu duy trì tốt mô hình 3 năm liên tục, được thưởng bằng hình thức đầu tư công trình phúc lợi có giá trị 200.000.000 đồng; nếu duy trì tốt mô hình 5 năm liên tục, được thưởng bằng hình thức đầu tư công trình phúc lợi trị giá 300.000.000 đồng.

e) Được miễn phí các dịch vụ tại các cơ sở y tế công lập trong tỉnh khi tư vấn và kiểm tra sức khỏe trước khi kết hôn; thai phụ thực hiện các kỹ thuật sàng lọc trước sinh để phát hiện sớm các trường hợp dị tật thai nhi; trẻ em sinh ra được thực hiện kỹ thuật sàng lọc sơ sinh để phát hiện sớm một số bệnh lý bẩm sinh.

f) Xử lý vi phạm chính sách dân số: Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, Hội có tính chất đặc thù, Lực lượng vũ trang và doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh sinh con thứ 3 trở lên sẽ bị xử lý theo qui định của pháp luật hiện hành.

7. Tăng cường đầu tư nguồn lực

Ngoài nguồn ngân sách Trung ương đầu tư (nếu có), địa phương cân đối ngân sách, bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện các mục tiêu Dân số và Sức khỏe sinh sản được giao.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Các nội dung của Nghị quyết được thực hiện kể từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2020.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa VIII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 03/11/2015.

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP "TP.HCM" (b/c);
- Ban Công tác đại biểu, UBTWQH (b/c);
- Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT.TU (b/c);
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa VIII;
- Các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP.UBND tỉnh;
- LĐ và CV VP. Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đặng Văn Xương

